

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 190/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-8-2024
V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đỗ Thanh Hiền.
- Ông Phan Thanh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 327/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị S – sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L – sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị S có mặt tại phiên tòa;

Anh L vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản hoà giải không được nguyên đơn chị Huỳnh Thị S trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh L tự nguyện cưới nhau năm 2015 và có đăng ký

kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L có quan hệ với người phụ nữ khác. Chị và anh L đã ly thân cách đây 02 năm. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị và anh L không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung.

** Bị đơn anh L không có văn bản trình bày ý kiến.*

*** Tại phiên tòa:** Nguyên đơn chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh L. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị S yêu cầu được ly hôn với anh L, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Bị đơn anh L vắng mặt không tham gia hòa giải và không tham dự phiên tòa mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh L.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị S đối với anh L, Hội đồng xét xử xét thấy chị S và anh L tự nguyện cưới nhau năm 2015 và có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân cách đây 02 năm. Hội đồng xét xử xét thấy, chị S và anh L đã có thời gian ly thân nhưng anh chị không giải quyết được mâu thuẫn. Đồng thời anh L không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị S chứng tỏ anh L không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị S. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị S và anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S đối với anh L.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị S trình bày giữa chị và anh L không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị S đối với anh Nguyễn Văn L.

Chị Huỳnh Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Văn L

2/ Về án phí: Chị S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0011373 ngày 04/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, nên chị S đã thi hành xong.

3/ Về quyền kháng cáo: Chị S được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, TG;
- UBND xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Đào Oanh